



CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆT NAM KHI GIA NHẬP WTO

TS Nguyễn Thị Phi Nga *

Bước sang thế kỷ XXI, toàn cầu hoá nền kinh tế trở thành vấn đề thời đại mang tính sống còn đối với sự phát triển của mỗi quốc gia, đó là xu thế mới của quá trình phát triển kinh tế thị trường, phản ánh trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất xã hội mà ở đó, phân công lao động quốc tế và quốc tế hoá sản xuất trở thành phổ biến. Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ra đời là kết quả tất yếu của quá trình này. WTO là một tổ chức quốc tế biểu hiện gần như đầy đủ và tiêu biểu nhất cho xu hướng toàn cầu hoá hiện nay. Thực tế đã chứng minh rằng thương mại quốc tế đã mang lại rất nhiều lợi ích cho nền kinh tế thế giới nói chung và quốc gia nói riêng, do vậy gia nhập WTO không chỉ là sức ép của xu thế thời đại mà nó còn mang tính chủ động, là mục tiêu của nhiều nước trên thế giới vì lợi ích phát triển kinh tế của quốc gia mình.

Đối với Việt Nam, một nước mà tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế mới chỉ diễn ra trong vòng mười năm trở lại đây thì tiến trình đàm phán WTO càng trở nên khó khăn, phức tạp. Bài viết sau đây sẽ phân tích các cơ hội cũng như thách thức đối với Việt Nam khi gia nhập WTO.

1. Các cơ hội

1.1. Mở rộng thị trường và tăng xuất khẩu

Hiện nay thương mại của các nước thành viên WTO chiếm tới 90% khối lượng thương mại thế giới. Sau khi gia nhập WTO, Việt Nam có cơ hội để mở rộng thương mại và đầu tư quốc tế, các rào cản về thương mại và thuế quan sẽ được dỡ bỏ, hàng hoá Việt Nam có thể thâm nhập vào thị trường toàn cầu với điều kiện cạnh tranh bình đẳng hơn.

* Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Gia nhập WTO, theo nguyên tắc tối huệ quốc, Việt Nam sẽ được tiếp cận mức độ tự do hoá mà không phải đàm phán hiệp định thương mại song phương với từng nước. Hàng hoá của Việt Nam vì vậy sẽ có cơ hội lớn hơn và bình đẳng hơn trong việc thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế. Do điều kiện tự nhiên và nguồn lao động dồi dào, Việt Nam có lợi thế trong một số ngành, đặc biệt là nông nghiệp và dệt may, đây là hai ngành được WTO rất quan tâm và đề ra nhiều biện pháp để xóa bỏ dần các rào cản thương mại. Có thể chỉ rõ những cơ hội cho hai lĩnh vực này sau khi Việt Nam gia nhập WTO như sau:

Cơ hội cho lĩnh vực nông nghiệp:

Thương mại hàng nông sản từ trước tới nay vẫn được bảo hộ cao trong chính sách thương mại của các nước phát triển thông qua trợ cấp cao cho nông dân trong nước, trợ giá cao cho xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu nông sản thông qua thuế quan cao và các hàng rào phi thương mại.

Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), ước tính thuế quan trung bình đối với hàng nông sản trong WTO là 62%, trong khi đó đối với hàng công nghiệp chỉ 4%. Điều đó đã ngăn cản các nước đang phát triển xuất khẩu sang các nước phát triển, trong khi nông phẩm là hàng xuất khẩu quan trọng của nhiều nước đang phát triển. Vì vậy, vấn đề thương mại hàng nông sản luôn là đối tượng xung đột giữa các nước đang phát triển và các nước phát triển, nó hầu như không được đưa ra bàn bạc cho tới vòng đàm phán Uruguay năm 1987. Vấn đề là cần phải đi tới một giải pháp chung, một sự thỏa thuận chung vì như vậy sẽ có lợi cho cả đôi bên. Cuối cùng trong vòng đàm phán Uruguay, các nước đã cùng nhau ký kết Hiệp định Nông nghiệp, theo hướng giảm trợ cấp xuất khẩu cho hàng nông sản và thuế hoá các biện pháp phi thuế quan. Tuy nhiên, Hiệp định Nông nghiệp còn nhiều bất bình đẳng và nhiều nước trong WTO đã không tuân thủ nghiêm túc Hiệp định này, do vậy, tại Hội nghị Bộ trưởng Doha, vấn đề nông nghiệp đã trở thành trung tâm điểm đàm phán. Tuyên bố Doha buộc các thành viên WTO phải cam kết không cắt giảm, mà còn loại bỏ dần tất cả các hình thức trợ cấp xuất khẩu. Là một nước nông nghiệp và đặc biệt là một nước xuất khẩu gạo đứng thứ ba trên thế giới, Việt Nam sẽ có nhiều thị trường xuất khẩu gạo và thị trường đối với nông phẩm hơn vì các hạn chế về số lượng gạo và nông phẩm sẽ được chuyển thành thuế và thuế phải cắt giảm theo Hiệp hội Nông nghiệp. Việt Nam sẽ có nhiều lợi thế khi các thị trường gạo mở cửa, đặc biệt là thị trường của Nhật Bản và Hàn Quốc. Là một nước đang phát triển nghèo, theo Hiệp định Nông nghiệp, Việt Nam không phải đưa ra các cam kết giảm trợ cấp xuất khẩu nông sản (trong khi các nước nông nghiệp phải cắt giảm 20% hỗ trợ trong nước trong thời gian 6 năm, các nước đang phát triển khác là 13,3% trong vòng 10 năm). Tuy nhiên, nếu hàng hoá của Việt Nam là hàng hoá cạnh tranh, thì sự miễn trừ nói trên sẽ bị loại bỏ trong vòng 10 năm.

Cơ hội cho hàng dệt may

Giống như nông sản, hàng dệt may cũng là vấn đề hóc búa trong WTO. Trước vòng đàm phán Uruguay, thương mại hàng dệt may được điều chỉnh bằng Hiệp định Đa sợi (MFA). Hiệp định này cho phép các nước được ký kết các hiệp định song phương hoặc tiến hành các hành động đơn phương để đặt ra hạn ngạch nhập khẩu hàng dệt may. Thực chất của Hiệp định Đa sợi là một cơ chế hạn chế theo định hướng hạn ngạch do Mỹ và châu Âu khởi xướng để bảo vệ các ngành công nghiệp trong nước họ. Hàng dệt may phải chịu mức thuế trong khoảng từ 15 - 30% đối với các sản phẩm mà thậm chí còn tệ hơn là phải chịu hạn ngạch xuất khẩu. Hàng dệt may cũng như nông sản là những hàng hoá mà các nước đang phát triển có thể sản xuất một cách hiệu quả nhất và chiếm phần lớn trong tổng sản phẩm xuất khẩu của họ, bởi vậy những rào cản mà nước phát triển đặt ra đối với các nước đang phát triển sản xuất rất bất lợi cho họ và cần phải được giảm dần đi. Tại vòng đàm phán Uruguay, Hiệp định về hàng dệt may (ATC) đã được ký kết. Hiệp định này quy định rõ chương trình nhất thể hoá các sản phẩm dệt may vào hệ thống thương mại đa biên, và một khi sản phẩm đã được nhất thể hoá thì không phải chịu hạn chế về số lượng nữa. Thứ hai, nói lỏng các hạn chế về số lượng đối với sản phẩm còn lại. Chương trình này được triển khai trong vòng 10 năm. Hàng dệt may là một trong những mặt hàng chủ lực của Việt Nam và là mặt hàng có lợi thế so sánh trong việc sử dụng nhiều lao động. Khi trở thành thành viên của WTO, Việt Nam sẽ được hưởng những lợi thế do Hiệp định về hàng dệt may (ATC) tại vòng đàm phán Uruguay và không phải chịu các hạn chế MFA khi xuất khẩu sang các nước thành viên khác.

1.2. Những cơ hội từ việc cải thiện cơ chế tranh chấp

WTO là một diễn đàn thương mại mà ở đó mọi thành viên có quyền tự bảo vệ mình khi xảy ra tranh chấp thương mại. Tuy nhiên, trong phạm vi GATT, cơ chế giải quyết tranh chấp có nhiều hạn chế. Cơ quan giải quyết tranh chấp (DSB) mới được thành lập trong WTO có nhiều ưu điểm. Đặc điểm chung của cơ chế này là tính đồng nhất và không chần chừ. Trước hết DSB khuyến khích và cho phép các nước thành viên đàm phán để đi đến một biện pháp hoà giải. Nếu thất bại, một ban giải quyết tranh chấp sẽ được thành lập để phân xử và nhờ một cơ quan kháng án đưa ra quyết định cuối cùng và phải được các bên có liên quan chấp thuận. Nếu kết quả giải quyết tranh chấp không được thi hành nghiêm túc, bên có quyền lợi vi phạm có thể áp dụng các biện pháp trả đũa.

Việc thiết lập tòa án quốc tế này đã làm cho hiệu quả của hệ thống thương mại đa biên được nâng cao rất nhiều. Nó đã đưa những luật lệ vào thế giới thương mại, một thế giới mà trước đây những nước yếu không đủ sức kháng cự lại những nước mạnh. Giờ đây một nước yếu như Việt Nam có quyền thương lượng và

khiếu nại một cách công bằng hơn với các cường quốc thương mại trong tranh chấp dựa theo luật lệ chung.

1.3. Thúc đẩy cải cách trong nước, nâng cao tính hiệu quả về sức cạnh tranh cho nền kinh tế

Công cuộc cải cách ở Việt Nam được thực hiện từ 1986, trải qua hơn 20 năm cải cách, Việt Nam đã thu được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên cũng còn nhiều vấn đề nan giải cần phải được tiếp tục giải quyết. Việc gia nhập WTO là động lực bên ngoài thúc đẩy mạnh mẽ cải cách trong nước, bởi vì việc thực hiện những cam kết và luật lệ của WTO sẽ đưa cải cách trong nước phát triển mạnh mẽ đến mức mà những tác động trong nước khó có thể đạt được. Gia nhập WTO, Việt Nam phải cam kết áp dụng và giám sát hệ thống luật của mình theo các nguyên tắc quốc tế: minh bạch, hợp lý, công bằng và đồng bộ. Gia nhập WTO, Việt Nam phải tăng cường thực hiện các cải cách kinh tế vĩ mô (trong đó cơ bản là cải cách tài chính và tiền tệ) để sao cho vừa đáp ứng những yêu cầu của tự do hoá thương mại, vừa có thể tranh thủ được tối đa các lợi ích mà nó mang lại. Gia nhập WTO Việt Nam phải thực sự khuyến khích và cho phép khu vực kinh tế tư nhân phát triển nhằm tạo ra những lực lượng kinh tế mạnh có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Như vậy là một quốc gia đang phát triển ở trình độ thấp, việc trở thành thành viên WTO sẽ tạo sức ép từ quá trình hội nhập, đẩy nhanh tiến trình cải cách kinh tế, cải cách pháp luật, đổi mới công tác đào tạo nhân lực, tăng cường các quan hệ quốc tế phù hợp với giai đoạn phát triển của đất nước.

Ngoài ra, việc gia nhập WTO sẽ làm cho các doanh nghiệp Việt Nam nâng cao tính hiệu quả và sức cạnh tranh cho nền kinh tế. Giảm thuế, cắt giảm hàng rào phi thuế quan, mở cửa thị trường dịch vụ sẽ khiến môi trường kinh doanh ở Việt Nam trở nên cạnh tranh hơn. Trước sức ép cạnh tranh, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải vươn lên để tự hoàn thiện mình, nâng cao tính hiệu quả và sức cạnh tranh cho toàn bộ nền kinh tế. Việc giảm thuế và loại bỏ các hàng rào phi thuế quan cũng sẽ giúp các doanh nghiệp tiếp cận yếu tố đầu vào với chi phí hợp lý hơn, từ đó có thêm cơ hội để nâng cao sức cạnh tranh không những ở trong nước mà còn trên thị trường quốc tế.

1.4. Tăng thu hút vốn đầu tư nước ngoài

Gia nhập WTO sẽ giúp Việt Nam có được môi trường pháp lý hoàn chỉnh và minh bạch hơn, có sức hấp dẫn hơn đối với đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Gia nhập WTO cũng là thông điệp hết sức rõ ràng về quyết tâm cải cách của nước ta, tạo thêm niềm tin cho các nhà đầu tư bỏ vốn vào làm ăn tại Việt Nam. Ngoài ra, cơ hội tiếp cận thị trường của các thành viên WTO khác một cách bình đẳng và minh

bạch theo hướng đúng chuẩn mực của WTO cũng là một yếu tố quan trọng để thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2004 vốn FDI vào Việt Nam đã vượt ngưỡng 4 tỷ USD, mức cao nhất kể từ sau khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á từ 1997 đến nay và trong 3 tháng đầu năm 2005 tổng vốn FDI đăng ký đạt 1,7 tỷ USD, tăng 2,4 lần so với cùng kỳ năm 2004. Trong buổi gặp mặt giữa Thủ tướng Chính phủ và các nhà đầu tư nước ngoài thì tất cả các đại diện của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đều bày tỏ mong muốn Việt Nam gia nhập WTO càng sớm càng tốt. Như vậy, việc Việt Nam gia nhập WTO sẽ như một cam kết chứng tỏ nỗ lực cao nhất của Chính phủ Việt Nam trong việc cải thiện môi trường đầu tư ở Việt Nam trên trường thế giới.

1.5. Người tiêu dùng được hưởng lợi nhiều hơn khi cạnh tranh tự do và bình đẳng

Việc gia nhập WTO hỗ trợ việc gia tăng cạnh tranh trong mọi thành phần kinh tế. Người tiêu dùng Việt Nam sẽ là những người hưởng lợi trực tiếp khi cạnh tranh mang lại nhiều sự lựa chọn hơn, giá cả thấp hơn và chất lượng cao hơn. Nền kinh tế Việt Nam sẽ có lợi từ sự phát triển của các ngành dịch vụ mà các công ty nước ngoài muốn đưa vào Việt Nam sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ này sẽ mang lại hiệu quả năng suất lao động cao hơn, làm tăng cường sức mạnh của kinh tế Việt Nam về lâu dài và nâng cao khả năng cạnh tranh của các công ty Việt Nam với các công ty đa quốc gia mạnh nhất trên bất kỳ thị trường nào.

2. Khó khăn và thách thức

Bên cạnh những cơ hội là vô vàn những thách thức mà các cấp chính quyền, các doanh nghiệp phải đối mặt, tìm các phương cách để vượt qua. Trước hết Việt Nam phải hiểu tường tận các luật lệ của WTO áp dụng cho từng nước, từng mặt hàng, từng khu vực để hướng doanh nghiệp của mình ra thị trường thế giới. Đặc biệt, Việt Nam phải cam kết thực hiện một loạt các nghĩa vụ sau:

- Việt Nam sẽ tạo thuận lợi cho các thành viên khác của WTO thâm nhập thị trường dưới hình thức giảm thuế nhập khẩu cho hàng nông sản và công nghiệp.
- Việt Nam sẽ phải mở cửa thị trường dịch vụ cho các nhà kinh doanh nước ngoài.
- Việt Nam sẽ phải cam kết bảo vệ ở mức độ phù hợp về sở hữu trí tuệ bằng các thủ tục pháp lý trong nước đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.
- Việt Nam phải sửa đổi các quy định về đầu tư, cam kết thực hiện các nghĩa vụ quốc gia và giảm hay loại bỏ các hạn chế về đầu tư nước ngoài.

Việc thực hiện các nghĩa vụ trên để trở thành thành viên WTO đã đặt Việt Nam đứng trước những thách thức lớn, có thể kể đến như sau:

2.1. Sức ép cạnh tranh

Giảm thuế, cắt giảm hàng rào phi thuế quan, loại bỏ trợ cấp, mở cửa thị trường dịch vụ sẽ khiến môi trường kinh doanh ở Việt Nam trở nên cạnh tranh khốc liệt hơn. Đây là thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước đã quen với chế độ bao cấp của Nhà nước. Tuy nhiên các doanh nghiệp sẽ không có cách nào khác là chủ động và sẵn sàng đối phó với những thách thức này bởi vì đó là hệ quả tất yếu của sự phát triển, là chặng đường mà mọi quốc gia đều phải trải qua để hướng tới một xã hội hiệu quả, phồn vinh.

Riêng đối với lĩnh vực nông nghiệp, việc gia nhập WTO có thể sẽ mang lại khó khăn nhiều hơn bởi chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp khó có thể diễn ra một sớm một chiều.

2.2. Thách thức của chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Một trong những hệ quả tất yếu của hội nhập quốc tế là chuyển dịch cơ cấu và bố trí lại nguồn lực. Dưới sức ép của cạnh tranh, một ngành sản xuất không hiệu quả có thể sẽ phải mất đi để nhường chỗ cho một ngành khác có hiệu quả hơn. Quá trình này tiềm ẩn rất nhiều rủi ro về mặt xã hội. Đây là thách thức hết sức to lớn. Việt Nam chỉ có thể vượt qua được thách thức này nếu có chính sách đúng đắn nhằm tăng cường hơn nữa tính năng động và khả năng thích ứng nhanh của toàn bộ nền kinh tế. Bên cạnh đó, các giải pháp an ninh cần được tăng cường để khắc phục những khó khăn ngắn hạn.

2.3. Thách thức của việc cải cách hệ thống pháp luật

Gia nhập WTO là thách thức lớn đối với hệ thống luật pháp Việt Nam. Việt Nam phải cam kết thực hiện những tiêu chuẩn quốc tế về sự minh bạch, tính đồng bộ, tính công bằng và hợp lý. Việc công khai các luật quy định và các quyết định của tòa án liên quan đến thương mại cần phải được công bố rộng rãi để cho công chúng và thế giới biết trước khi có hiệu lực. Mọi yêu cầu về thông tin, thắc mắc và bình luận đều có thể được giải đáp. Việc đảm bảo tính đồng bộ, chính quyền các địa phương không được đưa ra những đạo luật riêng không thống nhất với quy định của WTO. Tính công bằng yêu cầu không chấp nhận bất cứ sự thiên vị nào trong việc thực hiện luật pháp. So với những tiêu chuẩn quốc tế, hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn còn nhiều yếu kém. Ngoài ra Việt Nam đã có Luật Thương mại và Luật Đầu tư Nước ngoài, nhưng vẫn còn thiếu nhiều luật trong những lĩnh vực thương mại cụ thể. Điều đó đã gây ra nhiều khó khăn và thua thiệt đáng kể cho Việt Nam khi làm việc với các công ty nước ngoài. Như vậy, thách thức ở đây không phải là Việt Nam không thể áp dụng ngay luật chơi của WTO mà là khả năng thiếu kiểm soát, khả năng tự bảo vệ trong điều kiện ngành luật còn yếu kém, các doanh

ng nghiệp trong nước thiếu và yếu về kinh nghiệm, về trình độ quản lý khi làm việc với các đối tác nước ngoài.

2.4. Thách thức trong việc phát triển khu vực kinh tế tư nhân

Phát triển kinh tế tư nhân đóng một vai trò quan trọng trong việc Việt Nam gia nhập WTO bởi vì những nguyên tắc của WTO về cơ bản tuân theo tính thị trường, tính cạnh tranh và sáng kiến của các doanh nghiệp tư nhân. Khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam được bắt đầu từ năm 1979, đến năm 1986 được chính thức công nhận và những năm gần đây được đặc biệt khuyến khích phát triển. Tính đến hết năm 2004 cả nước có khoảng 150.000 doanh nghiệp ngoài quốc doanh, mức vốn đăng ký trung bình đạt 2.015 tỷ VNĐ/doanh nghiệp, đóng góp vào tăng trưởng GDP cả nước là 41,7% năm 2003 và 42% năm 2004. Tuy nhiên để phát triển khu vực này còn gặp một số thách thức nhất định như:

Chính sách của Nhà nước đối với khu vực kinh tế tư nhân chưa rõ ràng, thể hiện trong sự tranh cãi về vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế quốc doanh.

Môi trường thị trường cho hoạt động của khu vực tư nhân đã được tạo ra nhưng còn chưa đầy đủ, thiếu ổn định và kém hiệu quả. Trong chính sách tiền tệ còn một số vấn đề: nhiều giá cả đã được tự do hoá, nhưng những yếu tố quan trọng như tỷ giá, lãi suất ngân hàng và một số loại giá quan trọng khác vẫn do Nhà nước điều tiết. Như vậy, những điều kiện vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động của khu vực tư nhân chưa thực sự ổn định.

Yếu kém trong bản thân khu vực tư nhân, thể hiện trong việc ghi chép kế toán không đầy đủ, ý thức tuân thủ pháp luật kém, không có cơ chế kiểm soát nội bộ hợp lý.

2.5. Thách thức về nguồn nhân lực

Để quản lý một cách nhất quán toàn bộ tiến trình hội nhập, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, tạo dựng môi trường cạnh tranh năng động và cải cách có hiệu quả nền hành chính quốc gia, bên cạnh quyết tâm về mặt chủ trương, Việt Nam cần phải có đội ngũ đủ mạnh từ Trung ương đến địa phương. Đây cũng là thách thức lớn đối với Việt Nam vì phần lớn cán bộ của Việt Nam còn hạn chế về kinh nghiệm điều hành một nền kinh tế mở, có sự tham gia của yếu tố nước ngoài. Nếu không có sự chuẩn bị sớm, thách thức này sẽ chuyển thành khó khăn trong dài hạn khó khắc phục. Ngoài ra, để tận dụng được cơ chế tranh chấp của WTO và tham gia có hiệu quả vào các cuộc đàm phán trong tương lai của các tổ chức này, Việt Nam cần có một đội ngũ cán bộ thông thạo quy định, luật lệ của WTO, có kinh nghiệm và kỹ năng đàm phán quốc tế.

2.6. Về một số lĩnh vực cụ thể

Trong lĩnh vực thương mại và hàng hoá: thuế quan là vấn đề bức xúc nhất, đặc biệt là thuế nhập khẩu. Hiện nay Việt Nam có một số mặt hàng chiến lược cần được bảo hộ và 22 mặt hàng có khả năng cạnh tranh có điều kiện như: chè, cao su, rau, lâm đặc sản và các sản phẩm gỗ, một số loại cây nhiệt đới, gia cầm, hàng điện tử, cơ khí..., và đặc biệt là nhóm mặt hàng có khả năng cạnh tranh thấp (mía, đường, cây có dầu, đỗ tương, ngô, sữa bò, thịt heo và các sản phẩm từ thịt heo, thép...). Những mặt hàng này cần có sự bảo hộ của Nhà nước bằng thuế suất thuế nhập khẩu cao. Trong xu thế hội nhập hiện nay thì duy trì hàng rào thuế cao là điều bất khả, và do đó gây khó khăn cho các ngành sản xuất các mặt hàng này.

Trong thương mại và dịch vụ: khó khăn lớn nhất là mở cửa thị trường. Trong 11 lĩnh vực dịch vụ được đàm phán tại vòng Uruguay về tự do hàng hoá thì có một số lĩnh vực, khả năng của Việt Nam chưa đủ để cạnh tranh bình đẳng với các nhà cung cấp nước ngoài. Đó là các ngành cạnh tranh có điều kiện như viễn thông, ngân hàng, vận tải hàng hải, các dịch vụ bảo hiểm và y tế. Trong khi đó, các yêu cầu về mở cửa thị trường dịch vụ đối với chúng ta lại đặc biệt tập trung vào ba lĩnh vực: tài chính, bảo hiểm và thông tin liên lạc. Đối với những yêu cầu này, trước hết Việt Nam phải cố gắng cải thiện thực lực của các ngành dịch vụ nói trên. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện môi trường pháp lý, xây dựng khung pháp luật cho các hoạt động dịch vụ cần gấp rút thực hiện. Tất cả tạo nên thách thức lớn cho ngành dịch vụ Việt Nam khi gia nhập WTO.

Lĩnh vực nông nghiệp

Nông nghiệp là một vấn đề nhạy cảm trong đàm phán của Việt Nam khi gia nhập WTO, bởi vì Việt Nam là một nước nông nghiệp, sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam hiện nay và tương lai không xa là nông sản. Trong khi đó, việc xuất khẩu nông sản của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng sang các nước phát triển vẫn còn gặp nhiều khó khăn: hỗ trợ nông nghiệp của các nước OECD còn rất cao, tổng số hàng năm khoảng 360 tỷ USD trong đó Mỹ và EU chiếm 80% tổng số đó. Song vấn đề chính ở đây vẫn là những yếu kém nội tại trong sự phát triển nông nghiệp của Việt Nam. Khu vực nông nghiệp của Việt Nam còn lạc hậu về cơ sở vật chất, kỹ thuật lẫn cơ chế quản lý. Sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam nhìn chung có chất lượng thấp cả về hình thức, thương hiệu và khả năng chiếm lĩnh thị trường. Tất cả những nguyên nhân trên làm giảm đáng kể khả năng cạnh tranh của nông phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Một vấn đề đáng kể nữa là mặc dù Việt Nam với tư cách là một nước đang phát triển nghèo, được miễn trừ cắt giảm trợ giá xuất khẩu nông sản nhưng cũng giảm mức hỗ trợ nông dân trong nước, nhưng đổi lại, sau khi Việt Nam gia nhập WTO, thuế nhập khẩu nông sản cũng như những biện pháp bảo hộ phi thuế quan

đối với các sản phẩm này đều phải cắt giảm; dự báo lượng nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp sẽ tăng lên đáng kể, một số ngành sản xuất trong nước sẽ gặp khó khăn do phải cạnh tranh gay gắt với sản phẩm nhập khẩu của các doanh nghiệp nước ngoài đòi hỏi các nhà chức trách Việt Nam phải sớm triển khai các biện pháp nhằm giảm bớt những tổn thất mà nông dân có thể gặp phải và duy trì sự phát triển bền vững trong nước.

Lĩnh vực công nghiệp

Để phát triển công nghiệp và có đủ sức cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập, Việt Nam phải đương đầu trước những thách thức sau:

Trước hết, Việt Nam cần tập trung vốn tín dụng nhà nước cho các chương trình, dự án sản xuất và xuất khẩu hàng công nghiệp, do đó bài toán về vốn là vấn đề cần giải quyết. Bên cạnh đó, Việt Nam cần thực hiện “kế hoạch nâng cấp kỹ thuật công nghiệp” giúp doanh nghiệp phát triển kỹ thuật mới; xây dựng kỹ thuật bảo hành chất lượng sản phẩm phù hợp với chuẩn quốc tế. Ngoài ra, thực hiện “kế hoạch thiết kế sản phẩm công nghiệp” giúp doanh nghiệp nâng cao phẩm cấp sản phẩm cũng là yêu cầu cấp bách đặt ra trong khi cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) đang là vấn đề bất đồng giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Về lâu dài, việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ sẽ khuyến khích sự sáng tạo tại các nước đang phát triển và có lợi đối với các nước đang phát triển. Hiện nay, TRIPS đang có xu hướng bất lợi cho các nước đang phát triển và kém phát triển, bởi vì các phát minh sáng chế hiện nay chủ yếu là của những nước phát triển, TRIPS bảo vệ quyền của người tạo ra sáng chế phát triển và quy định ai sử dụng sáng chế phát minh đều phải trả tiền. Trong khi đó, các nước đang phát triển lại hầu như có rất ít sáng chế, đây quả là thách thức lớn đối với các quốc gia đang phát triển và chậm phát triển.

Ngoài ra, còn không ít vấn đề phức tạp khác khi Việt Nam gia nhập WTO, chẳng hạn như việc hạ thấp mức thuế và sự bảo hộ đối với công nghiệp trong các nước. Tuyên bố của Hội nghị Doha nói rõ rằng không có một ngoại lệ nào trong các cuộc đàm phán tiếp cận thị trường hàng công nghiệp. Điều đó có nghĩa là khi gia nhập WTO, Việt Nam không chỉ được lợi từ mức thuế quan thấp (trung bình 4%) và việc giảm bớt các rào cản phi thuế quan khác đối với các ngành công nghiệp từ các nước công nghiệp, mà ngược lại Việt Nam cũng phải thực hiện sự sẵn sàng đáp ứng tương xứng và cam kết giảm bớt rào cản thuế quan và phi thuế quan đối với các công ty nước ngoài. Thực tế này cũng là một thách thức lớn đối với Việt Nam vì một số ngành công nghiệp Việt Nam còn non trẻ, nếu không có sự bảo hộ nhất định của Chính phủ sẽ không đủ sức cạnh tranh đối với các ngành công nghiệp cùng ngành của các nước phát triển.

Tóm lại, qua phân tích trên có thể thấy trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế và gia nhập WTO, Việt Nam đang có rất nhiều lợi thế. Đáng kể nhất là Việt Nam đã có nỗ lực cao trong việc điều chỉnh và cải thiện chính sách thương mại đã được WTO cũng như các đối tác đàm phán thừa nhận và đánh giá cao. Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn còn không ít những khó khăn do một số điều kiện kinh tế - chính trị chưa đáp ứng được các yêu cầu và quy định của WTO, gây nhiều bất lợi, đòi hỏi các nhà lãnh đạo các cấp phải đưa ra các chính sách phát triển phù hợp cho từng ngành, từng lĩnh vực trong từng giai đoạn cụ thể để tránh những thiệt hại và khó khăn cho nhân dân.